

Số: 499 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 07 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa  
trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh,  
cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 111/TTr-STNMT ngày 03/3/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 13 (mười ba) thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực môi trường, gồm:

- 08 (tám) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh;
- 04 (bốn) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện;
- 01 (một) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

*(có Phụ lục Danh mục kèm theo).*

Nội dung chi tiết các thủ tục hành chính này thực hiện theo các Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020, số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình chi tiết, quy trình điện tử các thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này, thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ

ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, VP Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT, NCKS.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lại Văn Hoàn**



**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 499 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1.	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	30 ngày (Thẩm định 12 ngày; phê duyệt 18 ngày; trong đó: Sở Tài nguyên và Môi trường: 11 ngày, UBND tỉnh: 07 ngày)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo các mức vốn đầu tư $\leq 50$ tỷ, $\leq 100$ tỷ, $> 100$ tỷ: Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường (tương ứng 5 triệu đồng, 6 triệu đồng, 10 triệu đồng); Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng (tương ứng 6,5 triệu đồng, 8 triệu đồng, 15 triệu đồng); Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật (tương ứng 7 triệu đồng, 9 triệu đồng, 15 triệu đồng); Nhóm 4. Dự án nông, lâm nghiệp, thủy sản (tương ứng 7 triệu đồng, 9 triệu đồng, 15 triệu đồng); Nhóm 5. Dự án giao thông (tương ứng 7,5 triệu đồng, 9 triệu đồng, 15 triệu đồng); Nhóm 6. Dự án công nghiệp (tương ứng 8 triệu đồng, 9 triệu đồng, 15 triệu đồng); Nhóm 7. Dự án khác (tương ứng 5 triệu đồng, 6 triệu đồng, 10 triệu đồng)	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường
2.	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản	25 ngày (Thẩm định 12 ngày; phê duyệt 13 ngày; trong đó: Sở Tài nguyên và Môi trường: 08 ngày, UBND tỉnh: 05 ngày)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	10 triệu đồng		UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	(báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)					
3.	Cấp giấy phép môi trường	<p>- 15 ngày đối với các trường hợp sau đây:  + Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;  + Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: Không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.  - 30 ngày đối với các trường hợp còn lại.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>Dự án thuộc nhóm II, III: Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: 9,8 triệu đồng; Dự án không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: Dự án thuộc nhóm II: 14,1 triệu đồng, Dự án thuộc nhóm III: 13,1 triệu đồng;  - Dự án/cơ sở đã hoạt động trước khi Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực: Thuộc nhóm II: Dự án có đến 02 nguồn thải: 37 triệu đồng, Dự án từ 03 đến 05 nguồn thải: 45,5 triệu đồng, Dự án từ 06 đến 10 nguồn thải: 54,1 triệu đồng, Dự án từ 11 nguồn thải trở lên: 59,8 triệu đồng; Dự án/cơ sở đã hoạt động thuộc nhóm III: Dự án có đến 02 nguồn thải: 34,1 triệu đồng, Dự án từ 03 đến 05 nguồn thải: 42,7 triệu đồng, Dự án từ 06 đến 10 nguồn thải: 51,2 triệu đồng, Dự án từ 11 nguồn thải trở lên: 56,9 triệu đồng.</p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;  - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ;  - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.  - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
4.	Cấp đổi giấy phép môi trường	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> <li>- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> </ul>	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường
5.	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án thuộc nhóm II, III: Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: 9,8 triệu đồng; Dự án không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: Dự án thuộc nhóm II: 14,1 triệu đồng, Dự án thuộc nhóm III: 13,1 triệu đồng;</li> <li>- Dự án/cơ sở đã hoạt động trước khi Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực: Thuộc nhóm II: Dự án có đến 02 nguồn thải: 37 triệu đồng, Dự án từ 03 đến 05 nguồn thải: 45,5 triệu đồng, Dự án từ 06 đến 10 nguồn thải: 54,1 triệu đồng, Dự án từ 11 nguồn thải trở lên: 59,8 triệu đồng; Dự án/cơ sở đã hoạt động thuộc nhóm III: Dự án có đến 02 nguồn thải: 34,1 triệu đồng, Dự án từ 03 đến 05 nguồn thải: 42,7 triệu đồng, Dự án từ 06 đến 10 nguồn thải: 51,2 triệu đồng, Dự án từ 11 nguồn thải trở lên: 56,9 triệu đồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> <li>- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.</li> </ul>	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
6.	Cấp lại giấy phép môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 20 ngày đối với trường hợp:</li> <li>+ Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng;</li> <li>+ Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung);</li> <li>- 30 ngày đối với trường hợp:</li> <li>+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án thuộc nhóm II, III: Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: 9,8 triệu đồng; Dự án không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: Dự án thuộc nhóm II: 14,1 triệu đồng, Dự án thuộc nhóm III: 13,1 triệu đồng;</li> <li>- Dự án/cơ sở đã hoạt động trước khi Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực: Thuộc nhóm II: Dự án có đến 02 nguồn thải: 37 triệu đồng, Dự án từ 03 đến 05 nguồn thải: 45,5 triệu đồng, Dự án từ 06 đến 10 nguồn thải: 54,1 triệu đồng, Dự án từ 11 nguồn thải trở lên: 59,8 triệu đồng; Dự án/cơ sở đã hoạt động thuộc nhóm III: Dự án có đến 02 nguồn thải: 34,1 triệu đồng, Dự án từ 03 đến 05 nguồn thải: 42,7 triệu đồng, Dự án từ 06 đến 10 nguồn thải: 51,2 triệu đồng, Dự án từ 11 nguồn thải trở lên: 56,9 triệu đồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> <li>- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.</li> </ul>	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		<p>tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép</p>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		<p>môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.</p> <p>(trong đó, tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</li> <li>- Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</li> </ul>				



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
7.	Cấp giấy phép trao đổi, mua bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	20 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 Bộ Tài nguyên và Môi trường	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường
8.	Cấp giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định		

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1.	Cấp giấy phép môi trường	- 15 ngày đối với các trường hợp sau đây: + Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; + Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - 30 ngày đối với các trường hợp còn lại.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	- Dự án thuộc nhóm III: 8,5 triệu đồng; - Dự án/cơ sở đã hoạt động trước khi Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực: Thuộc nhóm III: Dự án có đến 02 nguồn thải: 30,7 triệu đồng, Dự án từ 03 đến 05 nguồn thải: 38,4 triệu đồng, Dự án từ 06 đến 10 nguồn thải: 46 triệu đồng, Dự án từ 11 nguồn thải trở lên: 51,1 triệu đồng	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	UBND cấp huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện
2.	Cấp đổi giấy phép môi trường	10 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày	UBND cấp huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;	
3.	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	15 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	- Dự án thuộc nhóm III: 8,5 triệu đồng; - Dự án/cơ sở đã hoạt động trước khi Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực: Thuộc nhóm III: Dự án có đến 02 nguồn thải: 30,7 triệu đồng, Dự án từ 03 đến 05 nguồn thải: 38,4 triệu đồng, Dự án từ 06 đến 10 nguồn thải: 46 triệu đồng, Dự án từ 11 nguồn thải trở lên: 51,1 triệu đồng	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	UBND cấp huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện
4.	Cấp lại giấy phép môi trường	- 20 ngày đối với trường hợp: + Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; + Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	- Dự án thuộc nhóm III: 8,5 triệu đồng; - Dự án/cơ sở đã hoạt động trước khi Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực: Thuộc nhóm III: Dự án có đến 02 nguồn thải: 30,7 triệu đồng, Dự án từ 03 đến 05 nguồn thải: 38,4 triệu đồng, Dự án từ 06 đến 10 nguồn thải: 46 triệu đồng, Dự án từ 11 nguồn thải trở lên: 51,1 triệu đồng	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số	UBND cấp huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		<p>nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung);</p> <p>- 30 ngày đối với trường hợp:</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được</p>		triệu đồng	31/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		<p>triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường. (trong đó, tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</li> <li>- Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</li> </ul>				

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ**

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí (nếu có)</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	15 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> <li>- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> </ul>	UBND cấp xã

---